

Pháp luật về hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng Việt Nam : Luận văn ThS. Luật: 60 38 50 / Vũ Thị Giang ; Nghd. : TS. Nguyễn Thị Lan Hương

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang
<i>Trang bìa phụ</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ THẺ NGÂN HÀNG VÀ HOẠT ĐỘNG THANH TOÁN BẰNG THẺ NGÂN HÀNG	3
1.1. Lược sử hình thành thẻ ngân hàng	3
1.1.1. Lược sử hình thành thẻ ngân hàng trên thế giới	3
1.1.2. Lược sử hình thành thẻ ngân hàng ở Việt Nam	7
1.2. Thẻ ngân hàng và hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng	8
1.2.1. Khái niệm, phân loại thẻ ngân hàng	8
1.2.1.1. Khái niệm thẻ ngân hàng	8
1.2.1.2. Phân loại thẻ ngân hàng	9
1.2.2. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng	16
1.2.2.1. Khái niệm hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng	16
1.2.2.2. Đặc điểm của hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng	16
1.2.2.3. Vai trò của hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng	18
1.3. Hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng ở Việt Nam hiện nay	23
Chương 2: PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG THANH TOÁN BẰNG THẺ NGÂN HÀNG Ở VIỆT NAM	31

2.1. Khái quát pháp luật về hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng ở Việt Nam	31
2.1.1. Pháp luật về hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt	31
2.1.2. Pháp luật về hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng	35
2.2. Nội dung pháp lý về hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng	41
2.2.1. Chủ thể tham gia quan hệ thanh toán thẻ ngân hàng	41
2.2.2. Phát hành, sử dụng và thanh toán thẻ	46
2.2.2.1. Phát hành thẻ	46
2.2.2.2. Sử dụng thẻ	48
2.2.2.3. Thanh toán thẻ	50
2.2.3. Tổ chức hệ thống thanh toán thẻ	52
Chương 3: PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG THANH TOÁN BẰNG THẺ NGÂN HÀNG Ở VIỆT NAM	55
3.1. Yêu cầu đặt ra đối với việc hoàn thiện pháp luật về hoạt động thanh toán bằng Thẻ ngân hàng	53
3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng gắn liền với hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt	53
3.1.2. Thúc đẩy sự phát triển của công nghệ ngân hàng và hệ thống thương mại điện tử	56
3.1.3. Đảm bảo quyền lợi của khách hàng khi sử dụng thẻ	58
3.1.4. Đáp ứng yêu cầu hội nhập và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thanh toán bằng thẻ ngân hàng	59
3.2. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng	62
3.2.1. Mở rộng phạm vi chủ thể sử dụng thẻ ngân hàng	62
3.2.2. Tăng hạn mức thẻ vô danh trả trước	63
3.2.3. Xây dựng cơ chế ưu đãi đối với các chủ thể cung cấp dịch vụ liên quan tới thanh toán thẻ ngân hàng	66

3.2.4.	Xây dựng các chế tài nhằm xử lý nghiêm minh hành vi vi phạm pháp luật về thanh toán thẻ ngân hàng	69
3.2.5.	Xây dựng hệ thống pháp luật về hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng đồng bộ	74
	KẾT LUẬN	77
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	79

MỞ ĐẦU

Trên thế giới thẻ ngân hàng xuất hiện từ những năm đầu thế kỷ XX; trong khi đó, ở Việt Nam đầu những năm 90 của thế kỷ XX, thẻ ngân hàng mới được biết đến và được phát hành.

Mặc dù, ra đời sau một thời gian dài so với thế giới, nhưng tốc độ tăng trưởng của thị trường thẻ ngân hàng ở Việt Nam có thể coi là hết sức nhanh chóng, số lượng thẻ, máy ATM/POS tăng với tốc độ 150-300%/năm. Sự kết nối sâu rộng của các liên minh thẻ Smartlink và Banknetvn đã giúp thị trường thẻ phát triển mạnh và mang lại nhiều tiện ích hơn cho người tiêu dùng, các loại hình thanh toán thẻ ngân hàng ngày càng được đa dạng.

Cơ chế pháp lý điều chỉnh hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng đã từng bước được xây dựng và hoàn thiện, tuy nhiên vẫn còn không ít bất cập như: các quy định về hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng còn thiếu đồng bộ, phạm vi chủ thẻ sử dụng thẻ ngân hàng còn hẹp, hạn mức đối với thẻ vô danh trả trước còn thấp, chưa có cơ chế ưu đãi đối với các chủ thẻ cung cấp dịch vụ liên quan tới hoạt động thanh toán thẻ ngân hàng, chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật về thanh toán thẻ ngân hàng chưa đủ mạnh.

Mục đích của luận văn là làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng cũng như pháp luật điều chỉnh hoạt động này, từ đó đề xuất một số phương hướng hoàn thiện pháp luật về hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng ở Việt Nam.

Luận văn đặt ra các nhiệm vụ nghiên cứu là:

Tìm hiểu khái quát sự ra đời và phát triển của thẻ ngân hàng; làm rõ bản chất của hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng và đánh giá vai trò của hoạt động này đối với các chủ thể trong nền kinh tế; đồng thời đánh giá sự phát triển của hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng ở Việt Nam.

Phân tích các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam về hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng.

Dựa trên sự phân tích các cơ sở lý luận và thực tiễn đó, luận văn đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm hướng tới việc hoàn thiện các quy định pháp luật về thanh toán bằng thẻ ngân hàng ở Việt Nam.

Kết cấu của luận văn bao gồm ba chương, cụ thể như sau:

Chương 1. Khái quát chung về thẻ ngân hàng và hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng

Trong chương này, tác giả trình bày khái quát sự ra đời của thẻ ngân hàng và phân tích một số vấn đề lý luận về thẻ ngân hàng, về hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng; đồng thời có đánh giá tổng quát về hoạt động thanh toán thẻ ngân hàng ở Việt Nam hiện nay.

Chương 2. Pháp luật về hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng ở Việt Nam

Trong chương này, tác giả trình bày quá trình hình thành và phát triển các quy định pháp luật về hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng trong mối quan hệ với pháp luật về hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt; đồng thời tác giả đi sâu vào phân tích nội dung pháp lý về hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng.

Chương 3. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng ở Việt Nam

Trên cơ sở phân tích các yêu cầu đặt ra đối với việc hoàn thiện pháp luật, cũng như đánh giá một số bất cập của pháp luật hiện hành, tác giả trình bày một số đề xuất nhỏ của mình nhằm góp phần hoàn thiện các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng.

Chương 1

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ THẺ NGÂN HÀNG VÀ HOẠT ĐỘNG THANH TOÁN BẰNG THẺ NGÂN HÀNG

1.1. Lược sử hình thành thẻ ngân hàng

1.1.1. Lược sử hình thành thẻ ngân hàng trên thế giới

Thẻ ngân hàng được hình thành tại Mỹ từ thói quen cho khách hàng mua chịu của các chủ tiệm bán lẻ trên cơ sở uy tín của khách đối với cửa hàng. Vào những năm 1914, tổ chức chuyển tiền Western Union của Mỹ lần đầu tiên cung cấp cho các khách hàng đặc biệt của mình dịch vụ thanh toán trả chậm. Công ty này phát hành những tấm kim loại có chứa các thông tin in nổi thực hiện hai chức năng: nhận diện và phân biệt khách hàng; cung cấp và cập nhật dữ liệu về khách hàng, bao gồm các thông tin về tài khoản và các giao dịch thực hiện.

Các tổ chức khác cũng nhận ra giá trị của loại hình dịch vụ nói trên và chỉ trong một thời gian ngắn sau đó rất nhiều đơn vị như nhà ga, khách sạn cũng như các cửa hàng trên khắp nước Mỹ đã lựa chọn cung cấp dịch vụ trả chậm cho khách hàng của mình.

Tiếp theo các tổ chức cung cấp hàng hóa dịch vụ, các ngân hàng nhanh chóng bước vào thị trường thẻ với mục tiêu nhanh chóng nhân rộng hình thức thanh toán này trên cơ sở mối quan hệ sẵn có giữa các đơn vị cung cấp hàng hóa dịch vụ trên cả nước với hệ thống đại lý rộng khắp của ngân hàng.

1.1.2. Lược sử hình thành thẻ ngân hàng ở Việt Nam

Ở Việt Nam thẻ ngân hàng chỉ mới xuất hiện trong những năm gần đây, mà khởi đầu là từ nghiệp vụ thanh toán Thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam.

Năm 1990, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam là ngân hàng đầu tiên ở Việt Nam tiến hành nghiệp vụ thanh toán Thẻ tín dụng quốc tế.

Đến năm 1993, thẻ tín dụng tiền đồng Vietcombank lần đầu tiên được phát hành sử dụng để chi trả, rút tiền mặt tại một số cơ sở chấp nhận thẻ trong nước, mở ra một lĩnh vực kinh doanh dịch vụ mới cho ngành ngân hàng Việt Nam. Như vậy, năm 1993 là năm đánh dấu sự ra đời của thẻ nội địa.

Từ cuối năm 1996, thị trường Thẻ Việt Nam sôi động hẳn và có những thay đổi đáng kể, ngày càng nhiều ngân hàng tham gia vào thị trường thanh toán và phát hành Thẻ.

1.2. Thẻ ngân hàng và hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng

1.2.1. Khái niệm, phân loại thẻ ngân hàng

1.2.1.1. Khái niệm thẻ ngân hàng

Thẻ ngân hàng có thể hiểu là phương tiện do tổ chức phát hành thẻ (gồm ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tín dụng hợp tác, tổ chức khác không phải là tổ chức tín dụng được phép phát hành thẻ) phát hành để thực hiện giao dịch thẻ theo các điều kiện và điều khoản được các bên thoả thuận.

Trong thực tế hiện nay, thẻ ngân hàng thường được gọi là thẻ ATM.

1.2.1.2. Phân loại thẻ ngân hàng

Có nhiều cách phân loại thẻ ngân hàng khác nhau trên cơ sở đưa ra các tiêu chí khác nhau.

*** Căn cứ theo công nghệ sản xuất thẻ**

Thẻ in nổi (Embossed Card)

Thẻ băng từ (Magnetic stripe)

Thẻ thông minh (Smart card)

*** Căn cứ vào nguồn tài chính đảm bảo cho việc sử dụng thẻ**

Thẻ tín dụng (Credit card)

Thẻ ghi nợ (Debit Card)

Thẻ rút tiền mặt (Cash Card)

Thẻ trả trước (prepaid card)

** Căn cứ vào phạm vi sử dụng của thẻ*

Thẻ nội địa

Thẻ quốc tế

** Căn cứ vào đối tượng sử dụng thẻ*

Thẻ vàng (Gold Card)

Thẻ thường (Standard Card, Classic Card hay Normal Card)

** Căn cứ vào phương thức giao dịch thẻ*

Có thể phân chia thành phương thức giao dịch trực tiếp và phương thức giao dịch gián tiếp.

1.2.2. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng

1.2.2.1. Khái niệm hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng

Có thể hiểu theo nghĩa rộng là việc mở tài khoản, thực hiện dịch vụ thanh toán thẻ, tham gia hệ thống thanh toán của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán thẻ ngân hàng và việc mở tài khoản, sử dụng dịch vụ thanh toán của người sử dụng dịch vụ thanh toán.

Tuy nhiên, cũng có thể hiểu hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng theo nghĩa hẹp, đó là hoạt động phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng.

Như vậy, khi nói đến hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng là nói đến hoạt động dịch vụ thanh toán của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán với sự tham gia của các chủ thẻ khác nhau.

1.2.2.2. Đặc điểm của hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng

** Về phạm vi chủ thẻ*

- Chủ thẻ phát hành thẻ: Chủ thẻ phát hành chủ yếu là ngân hàng. Các tổ chức không phải là ngân hàng cũng được phát hành thẻ nhưng phải được Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Trung ương cho phép.

- Chủ thẻ: Đối tượng mà ngân hàng hướng đến lại chủ yếu là cá nhân.

** Mục đích của hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng*

Là một nghiệp vụ kinh doanh của ngân hàng nhằm thu lợi nhuận và hỗ trợ cho các hoạt động kinh doanh khác (tín dụng, ngoại hối...).

** Hình thức sản phẩm của hoạt động dịch vụ thanh toán bằng thẻ ngân hàng*

Hầu hết các loại thẻ ngân hàng đều làm bằng nhựa cứng plastic có hình chữ nhật, chung một kích cỡ 96mmx 54mm x 0,76mm, có góc tròn, gồm 2 mặt (trước và sau). Mỗi mặt của thẻ đều chứa đựng một số thông số cơ bản theo tiêu chuẩn: huy hiệu của tổ chức phát hành thẻ, tên thẻ, biểu tượng của thẻ, số thẻ, ngày hiệu lực của thẻ, số mật mã đợt phát hành, dây băng từ có khả năng lưu trữ thông tin, băng chữ ký...

** Pháp luật điều chỉnh*

Đối với hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng, pháp luật điều chỉnh hoạt động này là hệ thống luật ngân hàng hay luật các tổ chức tín dụng.

1.2.2.3. Vai trò của hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng

Hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng gắn liền với sản phẩm thẻ ngân hàng hay phương tiện thanh toán thẻ ngân hàng, nó có vai trò quan trọng không chỉ đối với các chủ thẻ tham gia quan hệ mà còn đối với cả nền kinh tế nói chung.

** Đối với chủ thẻ*

Hoạt động này cung cấp cho chủ thẻ một phương tiện hết sức đa năng, an toàn, tiện lợi và thông minh; cho phép chủ thẻ mua hàng hoá, dịch vụ ở bất cứ một cơ sở chấp nhận thẻ nào hay rút tiền mặt tại máy rút tiền tự động (ATM).

Thẻ ngân hàng (Thẻ tín dụng) là một dạng cho vay thanh toán.

** Đối với tổ chức phát hành thẻ*

Hoạt động này góp phần nâng cao vị thế của ngân hàng, quảng bá hình ảnh thương hiệu và kéo khách hàng đến với ngân hàng; đem lại nguồn thu nhập cho ngân hàng. Đó là khoản phí thường niên; phí rút tiền mặt; ...

Nghiệp vụ kinh doanh thẻ ngân hàng cũng là một kênh huy động vốn hiệu quả.

** Đối với cơ sở chấp nhận thẻ*

Thứ nhất, việc chấp nhận thẻ như một biện pháp để mở rộng thị trường và doanh số.

Thứ hai, đơn vị chấp nhận thẻ được hưởng lợi ích từ chính sách khách hàng của ngân hàng. Ngoài việc cung cấp đầy đủ các máy móc, thiết bị cần thiết cho việc thanh toán, các ngân hàng còn gắn các ưu đãi về tín dụng, về dịch vụ thanh toán với “Hợp đồng chấp nhận thanh toán thẻ” như một chính sách khép kín.

Thứ ba, khi thanh toán bằng thẻ, các đơn vị chấp nhận thẻ có thể tránh được hiện tượng khách hàng sử dụng tiền giả; đồng thời giảm chi phí giao dịch, và đẩy nhanh vòng quay đồng vốn vì tiền thu của đơn vị sẽ được hạch toán tức thời từ tài khoản của chủ thẻ sang tài khoản của đơn vị chấp nhận thẻ.

** Đối với nền kinh tế*

Thẻ ngân hàng làm giảm khối lượng tiền mặt trong lưu thông; góp phần kiềm chế và đẩy lùi lạm phát từng bước khắc phục và đi đến chấm dứt tình trạng khan hiếm tiền mặt, tiết kiệm chi phí lưu thông tiền mặt trong việc: in ấn, vận chuyển, bảo quản, bốc xếp, kiểm đếm, chọn lọc những đồng tiền rách và tiêu huỷ; góp phần hạn chế việc làm tiền giả, nạn rửa tiền.

Với công nghệ hiện đại, mọi giao dịch đều nằm trong khả năng kiểm soát của ngân hàng, tạo nền tảng cho công tác quản lý vĩ mô của Nhà nước, thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia. Thanh toán bằng thẻ tạo ra một môi trường thương mại văn minh, hiện đại, là yếu tố thu hút khách du lịch và các nhà đầu tư nước ngoài.

1.3. Hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng ở Việt Nam hiện nay

Ở Việt Nam, thẻ ngân hàng trở thành phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt chủ yếu phục vụ cho các giao dịch bán lẻ, hiện nay tỷ trọng thanh toán bằng thẻ chiếm khoảng 6% trong tổng số món giao dịch của các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt.

Theo thống kê của Ngân hàng Nhà nước, tính đến thời điểm cuối năm 2008, ở Việt Nam có 37 tổ chức phát hành thẻ, trong đó bao gồm 04 ngân hàng thương mại nhà nước, 26 ngân hàng thương mại cổ phần, 06 ngân hàng liên doanh và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam và 01 tổ chức phát hành thẻ phi ngân hàng (công ty tiết kiệm bưu điện), với khoảng 150 thương hiệu thẻ khác nhau. Các dịch vụ đi kèm cũng rất đa dạng và phong phú đáp ứng được nhu cầu của chủ thẻ.

Các ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đã rất nhanh chóng nhận ra được cơ hội dành cho mình, không ngừng đầu tư phát triển mạng lưới, cơ sở hạ tầng máy móc thiết bị, nguồn tài chính và nhân lực để phát triển các dịch vụ thẻ. Cơ sở vật chất phục vụ cho dịch vụ thẻ được tăng cường với tốc độ đặc biệt nhanh trong một số năm gần đây, với số lượng ATM, POS ngày càng nhiều.

Trong khi mạng lưới thanh toán, loại hình thẻ ngày càng mở rộng theo nhu cầu người tiêu dùng, thì vấn đề đặt ra là cần liên kết các hệ thống thanh toán của nhiều ngân hàng khác nhau nhằm cắt giảm chi phí và tăng tính tiện dụng cho khách hàng, đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động của ngân hàng.

Ngày 21/4/2007, hệ thống thanh toán thẻ ngân hàng được đánh dấu bằng việc kết nối thành công 3 ngân hàng gồm: Ngân hàng Công thương Việt Nam (Vietinbank), Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (BIDV), Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương (SaigonBank) thông qua dịch vụ kết nối chuyển mạch của Banknetvn.

Với việc đi vào hoạt động của Hệ thống Chuyển mạch Banknetvn, khách hàng có thể rút tiền tại tất cả các máy ATM cũng như thanh toán tiền mua hàng tại các máy POS của tất cả các ngân hàng thành viên trong hệ thống chỉ bằng một chiếc thẻ thanh toán duy nhất.

Ngày 23/5/2008, Banknetvn và Smartlink đã kết nối thành công hệ thống thanh toán thẻ ngân hàng của 5 đối tác lớn nhất trong hệ thống, liên thông trong một hệ thống thống nhất.

Tuy nhiên, thị trường thẻ Việt Nam vẫn còn một số hạn chế:

Thứ nhất, địa bàn phát hành và sử dụng thẻ còn hạn chế, mới chủ yếu tập trung ở một số tỉnh, thành phố lớn; đối tượng sử dụng thẻ chủ yếu tập trung vào đội ngũ đang làm việc trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, các khu công nghiệp, khu chế xuất và mới đây là các đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước (theo Chỉ thị 20 của Thủ tướng Chính phủ).

Thứ hai, dịch vụ thanh toán bằng thẻ chưa thực sự mang lại tiện ích đối với người tiêu dùng, cơ sở hạ tầng viễn thông, điện lực chưa ổn định. Phần lớn các giao dịch trên máy ATM đều để rút tiền mặt, dù trên máy có nhiều tiện ích khác như chuyển khoản, thanh toán dịch vụ bảo hiểm, tiền điện, cước phí điện thoại...

Thứ ba, số lượng máy ATM và EDC/POS được triển khai tại Việt Nam hiện nay chưa đạt tới mức trung bình chung so với các nước khác trong khu vực.

Thứ tư, mặc dù Việt Nam đang tồn tại 4 liên minh thẻ; tuy nhiên, thị trường thẻ Việt Nam vẫn còn manh mún, có sự khác biệt lớn trong quan điểm của các ngân hàng, giữa các liên minh về lợi ích kinh tế và lợi ích cộng đồng.

Thứ năm, vấn đề an ninh thẻ, bảo mật thẻ chưa được nâng cao.

Thứ sáu, vấn đề giải quyết khiếu nại, tranh chấp trong hoạt động thanh toán thẻ

Chương 2

PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG THANH TOÁN BẰNG THẺ NGÂN HÀNG Ở VIỆT NAM

2.1. Khái quát pháp luật về hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng ở Việt Nam

Sự hình thành các quy định pháp luật về hoạt động thanh toán thẻ ngân hàng ở Việt Nam gắn liền với sự hình thành các quy định pháp luật về hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt.

2.1.1. Pháp luật về hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt

Trải qua các thời kỳ, pháp luật về hoạt động thanh toán không ngừng được hoàn thiện.

Trước năm 1988, hệ thống ngân hàng được tổ chức theo mô hình một cấp, Ngân hàng Nhà nước là hệ thống thống nhất toàn ngành, là một pháp nhân duy nhất; Ngân hàng Nhà nước thực hiện quản lý hoạt động thanh toán giữa các chủ thể trong nền kinh tế chủ yếu nhằm hạn chế việc sử dụng tiền mặt.

Thời kỳ 1988-1990 là thời kỳ thí điểm cải cách hệ thống ngân hàng phù hợp với nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường. Hệ thống ngân hàng bước đầu chuyển từ mô hình ngân hàng một cấp sang mô hình ngân hàng hai cấp. Tuy nhiên, hệ thống ngân hàng hai cấp chưa thực sự hoạt động có hiệu quả. Do vậy mà hoạt động thanh toán qua trung gian thanh toán vẫn mang tính chất của hoạt động quản lý nhà nước.

Từ 1990 đến nay: Nền kinh tế nước ta bước vào chuyển đổi, thực sự hình thành hệ thống ngân hàng hai cấp, chức năng quản lý và chức năng kinh doanh trong hệ thống ngân hàng được phân chia.

Pháp lệnh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Pháp lệnh ngân hàng, Hợp tác xã tín dụng và công ty tài chính do Hội đồng Nhà nước ban hành ngày 23/5/1990 đánh dấu hệ thống ngân hàng thực sự được tổ chức theo mô hình hai cấp.

Luật Ngân hàng Nhà nước Việt nam và Luật các tổ chức tín dụng được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12/12/1997. Hai Luật về ngân hàng năm 1997 ra đời thay thế hai Pháp lệnh ngân hàng năm 1990 nhằm bảo đảm hoạt động của các tổ chức tín dụng được lành mạnh, an toàn và có hiệu quả...

Để quy định chi tiết hai Luật Ngân hàng, Chính phủ ban hành Nghị định số 64/2001/NĐ-CP ngày 20/9/2001 về hoạt động thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán thay thế Nghị định số 91-CP ngày 25/11/1993 về tổ chức thanh toán không dùng tiền mặt và các văn bản pháp luật có liên

quan; đó là cơ sở pháp lý cho Ngân hàng Nhà nước ban hành một số văn bản cụ thể hoá: Quyết định số 226/2002/QĐ-NHNN ngày 26/3/2002 về việc ban hành Quy chế hoạt động thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán; Quyết định số 1092/2002/QĐ-NHNN ngày 08/10/2002 về việc ban hành Quy định thủ tục thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán;...

Để thúc đẩy hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt trong nền kinh tế, ngày 29/12/2006, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 291/2006/QĐ-TTg Phê duyệt Đề án thanh toán không dùng tiền mặt Giai đoạn 2006-2010 và Định hướng đến năm 2020 tại Việt Nam; Ngân hàng Nhà nước cũng ban hành nhiều văn bản nhằm triển khai thực hiện Đề án.

2.1.2. Pháp luật về hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng

Vào thời điểm năm 1993, hành lang pháp lý cho hoạt động thẻ lúc đó chỉ là Quyết định số 74/QĐ-NH1 ngày 10/4/1993 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy định Thẻ lệ tạm thời về phát hành và sử dụng thẻ ngân hàng. Tuy nhiên, những quy định trong văn bản này chỉ mang tính tạm thời.

Ngày 21/02/1994 Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quyết định số 22/QĐ-NH1 về việc ban hành “Thẻ lệ thanh toán không dùng tiền mặt”. Quyết định này ra đời thay thế Thẻ lệ thanh toán không dùng tiền mặt ban hành kèm theo Quyết định số 22/QĐ- NH1 ngày 21 tháng 02 năm 1994

Trên cơ sở Luật Ngân hàng Nhà nước Việt nam và Luật các tổ chức tín dụng được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12/12/1997 và ngày 19/10/1999 Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy chế phát hành, sử dụng và thanh toán thẻ ngân hàng kèm theo Quyết định số 371/1999/QĐ-NHNN1.

Tuy nhiên, đứng trước đòi hỏi của thực tế và đáp ứng yêu cầu của việc quản lý nhà nước đối với thị trường thẻ, ngày 15/5/2007, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đã có Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ban hành Quy

chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng, thay thế Quyết định số 371/1999/QĐ-NHNN1 ngày 19/10/1999 ban hành Quy chế phát hành, sử dụng và thanh toán thẻ ngân hàng.

Cơ sở pháp lý cho việc phát triển thẻ ngân hàng đã hoàn thiện thêm một bước. Môi trường kinh doanh thẻ được thông thoáng hơn với việc loại bỏ giấy phép con đối với các ngân hàng phát hành thẻ, một số tổ chức tài chính phi ngân hàng cũng có thể tham gia phát hành thẻ nếu được NHNN chấp thuận, các quy định đi theo hướng chỉ tạo ra một hành lang pháp lý chung, tránh can thiệp cụ thể vào hoạt động của các tổ chức phát hành, thanh toán thẻ.

Việc ban hành Quy chế thẻ mới là cần thiết để đáp ứng đòi hỏi của thực tế và đáp ứng yêu cầu của việc quản lý nhà nước đối với thị trường thẻ. Về cơ bản Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ra đời có một số điểm mới:

- *Thứ nhất* là mở rộng phạm vi điều chỉnh của Quy chế thẻ, đưa loại hình thẻ trả trước vào phạm vi điều chỉnh của Quy chế thẻ
- *Thứ hai* là mở rộng tổ chức phát hành thẻ, tổ chức thanh toán thẻ
- *Thứ ba* là đổi mới quy định về việc cấp phép phát hành thẻ, thanh toán thẻ
- *Thứ tư* là mở rộng chủ thể sử dụng thẻ
- *Thứ năm* là bổ sung quy định về thanh toán bù trừ giao dịch thẻ, quyết toán kết quả thanh toán bù trừ giao dịch thẻ
- *Thứ sáu* là mở rộng phạm vi điều chỉnh đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ
- *Thứ bảy* là ngoài ra tại Quy chế thẻ ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN còn sửa đổi, bổ sung (hoặc loại bỏ) một số quy định khác (về cấp mã số tổ chức phát hành thẻ; về thông báo mất thẻ; về điều kiện đối với chủ thẻ phụ; về quyền, nghĩa vụ của các bên trong việc phát hành, thanh toán, sử dụng, hỗ trợ hoạt động thẻ...) theo hướng quy định chặt chẽ, đầy đủ và hợp lý hơn.

Cùng với việc ban hành Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN, Ngân hàng Nhà nước cũng ban hành một loạt văn bản có liên quan tới hoạt động thanh toán thẻ ngân hàng.

2.2. Nội dung pháp lý về hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng

2.2.1. Chủ thể tham gia quan hệ thanh toán thẻ ngân hàng

Trong quan hệ thanh toán thẻ, chủ thể tham gia quan hệ thanh toán thẻ gồm có chủ thẻ, tổ chức phát hành thẻ, đơn vị chấp nhận thẻ, tổ chức thanh toán thẻ.

- Chủ thẻ là cá nhân hoặc tổ chức được tổ chức phát hành thẻ cung cấp thẻ để sử dụng.

- Tổ chức phát hành thẻ là ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tín dụng hợp tác, tổ chức khác không phải là tổ chức tín dụng được phép phát hành thẻ.

- Đơn vị chấp nhận thẻ: Là tổ chức, cá nhân chấp nhận thanh toán hàng hoá và dịch vụ, cung cấp dịch vụ nạp, rút tiền mặt bằng thẻ.

- Tổ chức thanh toán thẻ là ngân hàng, tổ chức khác không phải là ngân hàng được phép thực hiện dịch vụ thanh toán thẻ khi đáp ứng điều kiện nhất định.

Trong quan hệ tổ chức hệ thống thanh toán thẻ, chủ thể tham gia quan hệ gồm tổ chức phát hành thẻ, tổ chức thanh toán thẻ, đơn vị chấp nhận thẻ và tổ chức chuyển mạch thẻ.

Tổ chức chuyển mạch thẻ là tổ chức trung gian cung ứng dịch vụ kết nối hệ thống xử lý giao dịch thẻ cho các tổ chức phát hành thẻ, tổ chức thanh toán thẻ và đơn vị chấp nhận thẻ theo thoả thuận bằng văn bản giữa các bên liên quan.

Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán bù trừ giao dịch thẻ là tổ chức trung gian thực hiện việc trao đổi dữ liệu bằng điện tử hoặc bằng chứng từ và bù trừ các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ các giao dịch thẻ cho các tổ chức

phát hành thẻ, tổ chức thanh toán thẻ và đơn vị chấp nhận thẻ theo thoả thuận bằng văn bản giữa các bên liên quan. Tổ chức chuyển mạch thẻ trong trường hợp thực hiện các dịch vụ quy định trên cũng được coi là tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán bù trừ giao dịch thẻ.

2.2.2. Phát hành, sử dụng và thanh toán thẻ

2.2.2.1. Phát hành thẻ

Để được phát hành thẻ nội địa, tổ chức phát hành thẻ phải đáp ứng các điều kiện nhất định. Mỗi tổ chức phát hành thẻ sẽ được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho 01 mã BIN duy nhất.

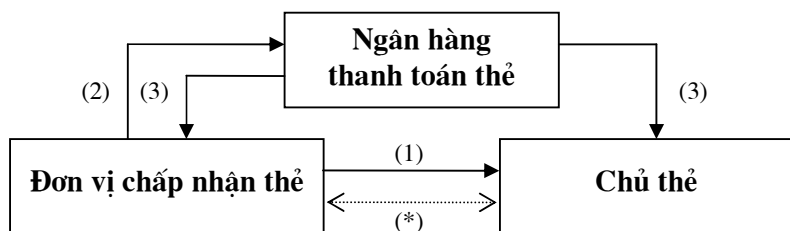
2.2.2.2. Sử dụng thẻ

Việc sử dụng thẻ phải có hợp đồng sử dụng thẻ giữa chủ thẻ và tổ chức phát hành thẻ. Đối với thẻ nội địa, thẻ này được sử dụng để thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ tại đơn vị chấp nhận thẻ, gửi, nạp, rút tiền mặt và sử dụng các dịch vụ khác theo thoả thuận với tổ chức phát hành thẻ trên lãnh thổ Việt Nam. Đối với thẻ quốc tế, thẻ này được sử dụng để thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ tại đơn vị chấp nhận thẻ, gửi, nạp, rút tiền mặt và sử dụng các dịch vụ khác bằng đồng Việt Nam trên lãnh thổ Việt Nam hoặc bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi và các đồng tiền khác được tổ chức thanh toán thẻ chấp nhận làm đồng tiền thanh toán ngoài lãnh thổ Việt Nam.

2.2.2.3. Thanh toán thẻ

Việc tổ chức thanh toán thẻ được thực hiện theo hợp đồng thanh toán thẻ. Việc thực hiện thanh toán bù trừ giao dịch thẻ thực hiện theo thoả thuận về việc tổ chức thanh toán giữa các bên liên quan. Đối với thẻ quốc tế, việc tổ chức thanh toán thẻ được thực hiện theo thoả thuận với tổ chức thẻ quốc tế mà tổ chức thanh toán thẻ tham gia và không trái pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Có thể khái quát quy trình thanh toán thẻ ngân hàng tại các đơn vị chấp nhận thẻ bằng sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.1: Quy trình thanh toán thẻ ngân hàng tại đơn vị chấp nhận thẻ

(*) Quan hệ giữa các đơn vị chấp nhận thẻ và Chủ thẻ làm phát sinh giao dịch thanh toán qua các tổ chức tín dụng.

(1) Chủ thẻ xuất trình thẻ tại đơn vị chấp nhận thẻ;

(2) Đơn vị chấp nhận thẻ tiến hành lập bảng kê kèm hóa đơn thanh toán gửi cho ngân hàng thanh toán thẻ;

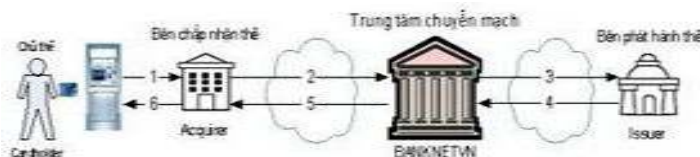
(3) Ngân hàng thanh toán thẻ có trách nhiệm thanh toán ngay cho đơn vị chấp nhận thẻ và tiến hành thanh toán theo định kỳ với chủ thẻ.

2.2.3. Tổ chức hệ thống thanh toán thẻ

Đối với hoạt động thanh toán bù trừ giao dịch thẻ: Việc thực hiện dịch vụ thanh toán bù trừ giao dịch thẻ giữa các tổ chức phát hành thẻ, tổ chức thanh toán thẻ phải được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

Đối với việc quyết toán kết quả thanh toán bù trừ giao dịch thẻ: việc quyết toán các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ việc thanh toán bù trừ giữa các thành viên của hệ thống thanh toán bù trừ giao dịch thẻ phải được thực hiện tại Ngân hàng Nhà nước hoặc tại một tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

Có thể thấy quy trình thanh toán qua hệ thống thanh toán thẻ (Banknet) diễn ra như sau:



Sơ đồ 2.2: Quy trình thanh toán qua hệ thống thanh toán thẻ của Banknet

(*) Chủ thẻ đưa thẻ vào máy ATM để thực hiện giao dịch.

(1) ATM sẽ gửi các thông tin giao dịch về hệ thống thanh toán thẻ của Ngân hàng đặt máy ATM đó (được gọi là Ngân hàng chấp nhận thanh toán thẻ hay Bên chấp nhận thẻ)

(2) Tiếp đó thông tin được chuyển về Trung tâm chuyển mạch (Banknetvn). Tại đây, hệ thống Banknetvn sẽ kiểm tra và "chuyển mạch" thông tin giao dịch thẻ này.

(3) Nếu tài khoản thẻ của người sử dụng được mở ở các Ngân hàng là thành viên thuộc Banknetvn thì các thông tin sẽ được Banknetvn chuyển về ngân hàng giữ tài khoản thẻ (Ngân hàng phát hành thẻ hay Bên phát hành thẻ);

(4) Ngân hàng phát hành thẻ kiểm tra và xử lý giao dịch.

Nếu ngân hàng phát hành thẻ không thuộc mạng chuyển mạch Banknetvn, hệ thống Banknetvn sẽ thông báo lại để ATM từ chối dịch vụ và trả lại thẻ cho khách hàng.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG THANH TOÁN BẰNG THẺ NGÂN HÀNG Ở VIỆT NAM

3.1. Yêu cầu đặt ra đối với việc hoàn thiện pháp luật về hoạt động thanh toán bằng Thẻ ngân hàng

3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng gắn liền với hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt

Hoàn thiện pháp luật về hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng là một trong những nội dung của việc hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt. Trong khi đó, hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động thanh toán là bước đầu tiên trong quá trình triển khai, thực hiện Đề án thanh toán không dùng tiền mặt của Chính phủ.

3.1.2. Thúc đẩy sự phát triển của công nghệ ngân hàng và hệ thống thương mại điện tử

Có thể thấy sự ra đời và phát triển của thẻ ngân hàng gắn liền với sự ra đời và phát triển của công nghệ ngân hàng. Công nghệ ngân hàng và hệ thống thương mại điện tử phát triển sẽ kéo theo sự phát triển của công nghệ thẻ, góp phần quan trọng trong việc đảm bảo an toàn thanh toán thẻ.

3.1.3. Đảm bảo quyền lợi của khách hàng khi sử dụng thẻ

Đảm bảo cho hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng phát triển an toàn hiệu quả phải là một trong những mục tiêu hàng đầu khi xây dựng và hoàn thiện pháp luật. Khi xây dựng, hoàn thiện pháp luật về thanh toán bằng thẻ ngân hàng ngoài việc có cơ chế nhằm thúc đẩy sự phát triển của công nghệ ngân hàng còn phải có chế tài đủ mạnh hạn chế rủi ro, đảm bảo quyền lợi cho khách hàng khi tham gia quan hệ thanh toán thẻ ngân hàng.

3.1.4. Đáp ứng yêu cầu hội nhập và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thanh toán bằng thẻ ngân hàng

Hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng gắn liền với hoạt động thanh toán quốc tế, gắn liền với xu thế hội nhập và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực dịch vụ tài chính. Trước bối cảnh đó, pháp luật về hoạt động thanh toán nói chung và về hoạt động thanh toán thẻ ngân hàng nói riêng cần được xây dựng phù hợp với với lộ trình thực hiện những cam kết quốc tế về lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng như Hiệp định thương mại Việt Mỹ (BTA), Hiệp định AFTA và những cam kết với Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

3.2. Phương hướng hoàn thiện pháp luật về hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng

3.2.1. Mở rộng phạm vi chủ thể sử dụng thẻ ngân hàng

Hiện nay, trong Quyết định 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định điều kiện để sử dụng thẻ đối với chủ thể là tổ chức: phải là pháp nhân; các điều kiện khác do tổ chức phát

hành thẻ quy định. Với nội dung quy định này, có thể thấy các chi nhánh của pháp nhân mặc dù được hạch toán độc lập vẫn không đủ điều kiện làm chủ thẻ.

Việc mở rộng phạm vi chủ thể sử dụng thẻ ngân hàng theo hướng sửa đổi quy định trong Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN về điều kiện để sử dụng thẻ đối với chủ thể chính là tổ chức. Cụ thể, sửa đổi quy định về điều kiện chủ thể chính là tổ chức phải là pháp nhân. Bằng cách có thể quy định lại “là pháp nhân hoặc đơn vị trực thuộc pháp nhân thực hiện hạch toán độc lập”.

3.2.2. Tăng hạn mức thẻ vô danh trả trước

Theo Quyết định số 32/2007/QĐ-NHNN ngày 03/7/2007, của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, theo đó hạn mức thẻ trả trước vô danh là 5 triệu đồng và chủ thẻ không được phép nạp thêm tiền. Với hạn mức quy định cho thẻ vô danh trả trước vậy là thấp nên hiệu quả trong việc sử dụng thẻ vô danh trả trước là chưa cao. Hạn mức này chỉ tương đương với 10 tờ tiền có mệnh giá 500 nghìn đồng; trong khi đó, để mua được 01 chiếc thẻ trả trước vô danh, chỉ nạp được 01 lần thì khách hàng phải qua rất nhiều thủ tục và còn phải mất phí; hơn thế, trong quá trình sử dụng, một phần do thói quen, một phần do cơ sở vật chất chưa cung cấp đủ nên việc sử dụng thẻ trả trước vô danh chưa đem lại cho khách hàng sự tiện lợi, hiệu quả.

Vì vậy, một mặt cần nâng hạn mức thẻ vô danh trả trước lên mức 10 triệu đồng, mặt khác cần có biện pháp quản lý thẻ vô danh bằng cách đưa ra điều kiện cung cấp thẻ vô danh cho khách hàng hoặc số lượng thẻ vô danh được cấp cho một khách hàng.

3.2.3. Xây dựng cơ chế ưu đãi đối với các chủ thể cung cấp dịch vụ liên quan tới thanh toán thẻ ngân hàng

Với các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam thì hoạt động thanh toán thẻ ngân hàng chưa có cơ chế pháp lý ưu đãi nhằm khuyến khích đầu tư, phát triển. Do đó, để khuyến khích hoạt động thanh toán thẻ

ngân hàng cần có cơ chế ưu đãi đối với các chủ thể cung cấp dịch vụ liên quan tới thanh toán thẻ ngân hàng, cụ thể:

Thứ nhất, cần đưa hoạt động dịch vụ thanh toán thẻ ngân hàng vào trong danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư theo Luật đầu tư 2005 và Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Thứ hai, cần có cơ chế trong việc tạo điều kiện cho tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán thẻ ngân hàng được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp bằng cách mở rộng diện ưu đãi và đưa loại hoạt động này vào một trong những diện được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp. Mức giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thể tương đương với mức theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ.

Thứ ba, thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với các khoản thu từ phí dịch vụ thanh toán thẻ ngân hàng nên áp mức 5%. Đồng thời, xây dựng phương án miễn hoặc giảm thuế giá trị gia tăng để khuyến khích các tổ chức, cá nhân thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt, trên cơ sở đó tạo dựng thói quen giao dịch qua ngân hàng. Phương án miễn giảm thuế giá trị gia tăng có thể có tính chất ngắn hạn, thực hiện tối đa không quá 3 năm và sẽ ngừng lại khi giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt đã trở nên tương đối phổ biến.

Thứ tư, giảm nhẹ gánh nặng đầu tư cho các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán thông qua chính sách thuế nhập khẩu đối với các máy móc thiết bị trực tiếp hình thành nên cơ sở hạ tầng kỹ thuật để thực hiện các dịch vụ thanh toán, cung ứng phương tiện thanh toán.

Thứ năm, trường hợp tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán thẻ ngân hàng thuê đất của nhà nước để phục vụ cho hoạt động thanh toán thẻ ngân hàng thì cho phép tổ chức này được miễn giảm tiền thuê đất theo quy định hiện hành của pháp luật đất đai.

Thứ sáu, tiếp tục chỉnh sửa giảm mức thu phí dịch vụ thanh toán liên ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3.2.4. Xây dựng các chế tài nhằm xử lý nghiêm minh hành vi vi phạm pháp luật về thanh toán thẻ ngân hàng

Hiện nay, chế tài xử lý trực tiếp đối với hành vi vi phạm pháp luật về thanh toán thẻ ngân hàng chưa có hoặc có nhưng chưa đủ mạnh để có thể răn đe các chủ thể có hành vi vi phạm.

*** Về chế tài hành chính**

Các quy định của pháp luật hiện hành chưa bao hàm hết các hành vi vi phạm và mức xử phạt cũng chưa đủ mạnh.

*** Về chế tài hình sự**

Hiện nay, tội phạm trong lĩnh vực thẻ ngân hàng diễn ra khá phức tạp dưới nhiều thủ đoạn.

Trong Bộ luật hình sự 1999, liên quan tới loại tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng thuộc nhóm tội phạm trật tự quản lý kinh tế, Bộ luật cũng chỉ đề cập tới một số tội: Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả (Điều 180); Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành séc giả, các giấy tờ có giá giả khác (Điều 181)... Như vậy, không có điều khoản nào quy định trực tiếp về tội phạm liên quan tới hoạt động thanh toán thẻ ngân hàng.

Thực tế, khi xử lý hành vi vi phạm liên quan tới hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng, tùy từng hành vi mà cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng có thể xác định hành vi đó cấu thành tội nào tương ứng.

Vì vậy, Nhà nước cần tiếp tục củng cố hoàn thiện hành lang pháp lý cho hoạt động thanh toán thẻ ngân hàng, nhất là các chế tài áp dụng xử lý đối với các hành vi tàng trữ, lưu hành thẻ ngân hàng giả; giả mạo, lừa đảo trong giao dịch thẻ phù hợp với thông lệ quốc tế; hành vi tiết lộ thông tin, ăn cắp thông tin khách hàng sử dụng vào mục đích gian lận trong thanh toán thẻ.... Bên cạnh đó Ngân hàng Nhà nước cần xây dựng cơ chế giám

sát chặt chẽ hoạt động thanh toán thẻ ngân hàng, đồng thời sửa đổi bổ sung các quy định pháp luật liên quan tới giải quyết tranh chấp.

3.2.5. Xây dựng hệ thống pháp luật về hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng đồng bộ

Mặc dù trong thời gian qua hành lang pháp lý trong lĩnh vực thanh toán thẻ ngân hàng đã cải thiện nhiều, song vẫn được đánh giá là chưa đầy đủ và đồng bộ; hoạt động thanh toán còn gặp nhiều khó khăn do đang bị điều chỉnh ở rất nhiều văn bản pháp lý khác nhau; hoặc cùng một nội dung nhưng mỗi luật lại có quy định khác nhau; hoặc quy định không thống nhất của các văn bản luật về độ tuổi được mở tài khoản tiền gửi thanh toán khiến các ngân hàng lúng túng.

Để xây dựng hệ thống pháp luật thanh toán thẻ ngân hàng đồng bộ, trước tiên các Bộ, ngành phải tiến hành rà soát lại và cần có sự thống nhất chung giữa các Bộ - ngành để giải quyết phân giao thoa của các luật. Và để thuận tiện trong quá trình áp dụng, cần có sự giải quyết thông thoáng và điều chỉnh trong các bộ luật cho thực sự đồng nhất.

Đối với những vấn đề còn chưa thống nhất giữa các luật cần có sự điều chỉnh kịp thời. Chẳng hạn, với quy định và thực tế liên quan tới độ tuổi của cá nhân khi tham gia quan hệ mở tài khoản thanh toán cần tiến hành sửa đổi theo hướng cho phép cá nhân từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi được mở và sử dụng tài khoản tiền gửi thanh toán, mà không cần có người giám hộ, nếu đối tượng này có năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ Luật dân sự và có giao kết hợp đồng lao động bằng văn bản với người sử dụng lao động.

KẾT LUẬN

Hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng có vai trò hết sức quan trọng; nó không chỉ đem lại lợi ích cho các chủ thẻ tham gia qua hệ mà còn mang lại lợi ích cho nền kinh tế trong việc làm giảm khối lượng tiền

mặt trong lưu thông; góp phần kiểm chế và đẩy lùi lạm phát từng bước khắc phục và đi đến chấm dứt tình trạng khan hiếm tiền mặt, tiết kiệm chi phí lưu thông tiền mặt; góp phần hạn chế việc làm tiền giả, nạn rửa tiền; góp phần tăng tốc độ chu chuyển vốn; tạo nền tảng cho công tác quản lý vĩ mô của Nhà nước, thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia.

Thời gian qua, ở Việt Nam hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng đã có những bước tiến nhất định; tuy nhiên, hoạt động này chưa thực sự phát triển bền vững: địa bàn phát hành và sử dụng thẻ còn hạn chế, dịch vụ thanh toán bằng thẻ chưa thực sự mang lại tiện ích đối với người tiêu dùng, thị trường thẻ Việt Nam vẫn còn manh mún, vấn đề an ninh thẻ, bảo mật thẻ chưa được nâng cao.

Mặc dù, cơ sở pháp lý cho hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng đã từng bước được xây dựng cho phù hợp; tuy nhiên vẫn còn một số bất cập nhất định. Với việc nghiên cứu đề tài "Pháp luật về hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng ở Việt Nam", tác giả đã tập trung làm nổi bật một số nội dung trên để từ đó đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật điều chỉnh lĩnh vực hoạt động này như: mở rộng phạm vi chủ thẻ sử dụng thẻ, tăng hạn mức thẻ vô danh trả trước, có cơ chế ưu đãi đối với các chủ thẻ cung cấp dịch vụ liên quan tới thanh toán thẻ ngân hàng, có chế tài xử lý hành vi vi phạm pháp luật về thanh toán thẻ ngân hàng thực sự nghiêm minh, xây dựng hệ thống pháp luật về hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng đồng bộ.

Như vậy, để hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng phát triển bền vững góp phần thực hiện Quyết định số 291/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2006 – 2010 và định hướng đến 2020 tại Việt Nam, Nhà nước cần phải tiến hành rà soát đồng thời xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về hoạt động thanh toán bằng thẻ ngân hàng đảm bảo tính khoa học và phù hợp với thực tiễn.